UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **THANH TRA TỈNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3570/TTR-NV7	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 10 năm 2026*
V/v hướng dẫn tổ chức kê khai tài sản, thu nhập năm 2026	

Kính gửi:
- Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu Lý Sơn;
- Các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh;
- Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có phần vốn nhà nước.

Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 19/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP, Thanh tra tỉnh hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2026 như sau:

1. Tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập

1.1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập như sau:

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập bảo đảm theo quy định. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các đơn vị trực thuộc, người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15 và Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập và gửi cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy định về thẩm quyền kiểm soát tài sản, thu nhập. Riêng đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đối tượng kê khai thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh, đề nghị lập danh sách *(theo mẫu gửi kèm)* và gửi về Thanh tra tỉnh trước ngày 15/12/2026.

- Hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018[1]. Trong đó, lưu ý hướng dẫn cụ thể cho từng phương thức kê khai:

+ Đối với người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác.

+ Đối với kê khai hằng năm: Được thực hiện đối với những người có nghĩa vụ kê khai quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018[2], Điều 10 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 26/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

+ Đối với kê khai bổ sung: Được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 1.000.000.000 đồng trở lên theo khoản 2 Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018[3]. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

+ Đối với kê khai phục vụ công tác cán bộ: Được thực hiện đối với những người có nghĩa vụ kê khai khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác. Việc kê khai phải hoàn thành chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

- Chỉ đạo bộ phận tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị lập sổ theo dõi kê khai, giao nhận bản kê khai giữa người có nghĩa vụ kê khai với cơ quan, đơn vị; bàn giao Bản kê khai cho các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập đúng quy định. Việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập tại các cơ quan, đơn vị phải hoàn thành trước ngày 31/12/2026.

1.2. Người có nghĩa vụ kê khai có trách nhiệm kê khai theo mẫu và gửi bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai. *Lưu ý: Trong trường hợp kê khai bản giấy, người kê khai phải ký ở từng trang; ký và ghi rõ họ tên ở trang cuối cùng của bản kê khai; lập 02 bản kê khai để bàn giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý (01 bản bàn giao cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập; 01 bản để phục vụ công tác quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị và việc tổ chức công khai bản kê khai).*

2. Tiếp nhận, nộp bản kê khai tài sản, thu nhập

Căn cứ quy định tại Điều 4 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa

---

[1] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[2] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 1 của Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 1 của Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, việc tiếp nhận, nộp bản kê khai tài sản, thu nhập thực hiện như sau:

- Người có nghĩa vụ kê khai nộp bản kê khai tài sản, thu nhập của mình cho đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ của cơ quan nơi mình công tác.

- Đơn vị phụ trách công tác tổ chức cán bộ có trách nhiệm nộp bản kê khai cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập theo thẩm quyền được quy định (theo phân cấp quản lý cán bộ)[4].

3. Tổ chức công khai bản kê khai tài sản, thu nhập

Sau khi bàn giao Bản kê khai tài sản, thu nhập cho cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai theo đúng quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018[5] và tại các Điều 11, 12 và 13 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

4. Báo cáo kết quả thực hiện kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị mình gửi về Thanh tra tỉnh chậm nhất ngày 15/01/2027 *(có mẫu báo cáo kèm theo)*.

5. Những lưu ý khi triển khai kê khai tài sản, thu nhập

Đề nghị người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập lưu ý những nội dung trọng tâm sau:

5.1. Về nghiên cứu và thực hiện hướng dẫn kê khai

Đối với từng phương thức kê khai tài sản, thu nhập *(kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ)*, người có nghĩa vụ kê khai phải nghiên cứu, nắm vững và thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn kê khai tài sản, thu nhập tại 42 chú thích của Phụ lục ***"Mẫu Bản kê khai và hướng dẫn việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ"*** ban hành kèm theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5.2. Về việc kê khai các nội dung trong Bản kê khai tài sản, thu nhập

Người có nghĩa vụ kê khai phải nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP để kê khai đầy đủ, chính xác các thông tin về tài sản, thu nhập của bản thân, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên; trong đó lưu ý các nội dung sau:

---

[4] (1) Đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý (theo phân cấp quản lý cán bộ) và đảng viên trong các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy; Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp và cấp dưới theo quy định thì bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập cho Ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở để kiểm soát tài sản, thu nhập; (2) Đối với người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (cán bộ **không** thuộc diện Ban Thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý) thì bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập cho Thanh tra tỉnh để kiểm soát tài sản, thu nhập.

[5] Được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 132/2025/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

- Về nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập: Theo quy định Điều 33 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018[6]:

+ Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên;

+ Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai tài sản, thu nhập.

- Về tài sản, thu nhập phải kê khai: Theo quy định tại Điều 35 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018[7] và Điều 9 Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ, tài sản, thu nhập phải kê khai là tài sản của người có nghĩa vụ kê khai, vợ (chồng) và con chưa thành niên của người có nghĩa vụ kê khai bao gồm:

+ Quyền sử dụng đất;

+ Nhà ở, công trình xây dựng;

+ Tài sản khác gắn liền với đất;

+ Vàng, kim cương, bạch kim và các kim khí quý, đá quý khác mà mỗi loại có tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

+ Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 150 triệu đồng trở lên;

+ Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

+ Tài sản số, tài sản khác mà mỗi loại có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

+ Các khoản nợ có giá trị từ 150 triệu đồng trở lên;

+ Tài sản ở nước ngoài;

+ Tài khoản ở nước ngoài;

+ Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.

5.3. Về biểu mẫu kê khai

Tất cả các phương thức kê khai, gồm: kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung và kê khai phục vụ công tác cán bộ, đều sử dụng thống nhất mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập ban hành kèm theo Nghị định số 164/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ. Người kê khai phải ghi rõ 01 trong 04 phương thức kê khai nêu trên ngay tại tiêu đề của bản kê khai để thể hiện rõ đó là phương thức kê khai nào (ví dụ: Trường hợp kê khai lần đầu thì ghi: **BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU**). Người kê khai cần kiểm tra kỹ phương thức kê

---

[6] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

[7] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật số 132/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

khai, thời điểm kê khai và các nội dung phải kê khai tương ứng trước khi hoàn thiện, ký và nộp Bản kê khai *(có mẫu Bản kê khai tài sản, thu nhập kèm theo)*.

Thanh tra tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc nghiên cứu, triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Thanh tra tỉnh *(qua Phòng Nghiệp vụ 7)* để được trao đổi, hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (b/c);
- Cục IV - Thanh tra Chính phủ (b/c);
- Ban Nội chính Tỉnh ủy (đ/biết);
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (đ/biết);
- Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
- Văn phòng và các Phòng Nghiệp vụ;
- Lưu: VT, NV7(ltnthuy).

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THANH TRA VIỆT NAM
THANH TRA TỈNH QUẢNG NGÃI

Cao Đình Hòa